

TÌM HIỂU VỀ HỌ KHMER VÀ CÁCH ĐẶT TÊN CỦA NGƯỜI KHMER NAM BỘ

Tăng Văn Thòn

Tóm tắt:

Họ và tên của một cá nhân giúp phân biệt các cá nhân trong xã hội với nhau. Mỗi dân tộc sẽ có cách đặt tên gọi họ khác nhau thể hiện được nét đặc trưng riêng của từng dân tộc. Hệ thống họ của người Khmer Nam Bộ rất đa dạng do được hình thành từ nhiều nguyên nhân khác nhau. Cách đặt tên của người Khmer Nam Bộ cũng rất phong phú, tùy theo khu vực cư trú hay từng cộng đồng dân cư mà tên của người Khmer sẽ có những nét đặc trưng riêng. Bài viết này phân tích nguyên nhân hình thành hệ thống họ và cách thức đặt tên của người Khmer Nam Bộ nhằm góp thêm tư liệu vào quá trình tìm hiểu sự phát triển tộc người, cũng như cho thấy sự phát triển về xu hướng thâm mĩ của người Khmer trong quá trình giao lưu giữa các dân tộc trong khu vực đồng bằng sông Cửu Long.

Từ khóa: Họ tên Khmer, Cách đặt tên, Khmer Nam Bộ.

*

1. Lịch sử họ Khmer

Người Khmer Nam Bộ có khá nhiều họ và chính bản thân người mang họ đó có thể cũng không rõ nguồn gốc dòng dõi họ mình có tự bao giờ. Qua các tư liệu nghiên cứu, sưu tầm và thu thập, bài viết xin đưa ra một số lai lịch họ mà người Khmer đang mang, nó tương đối phổ biến nhằm góp thêm cơ sở hệ thống lại quá trình phát triển tộc người trong cộng đồng dân tộc Việt Nam.

Trước đây, người Khmer Nam Bộ không có họ mà theo nguyên tắc lấy tên ông nội hoặc tên cha làm họ liên danh nối tiếp thế hệ như: Ông nội tên (...) Chanh, Cha: Chanh Đa Ra, Con: Chanh Búp Pha, Cháu: Chanh Văn Na (tức lấy tên ông nội 'Chanh' làm họ).

Đầu thế kỉ XIX, sau khi lên ngôi (1802), vua Gia Long bắt đầu thiết lập và củng cố cơ cấu chính quyền phong kiến triều Nguyễn. Vua Gia Long và các vị vua kế tiếp Minh Mạng - Thiệu Trị... đặc biệt chú ý đến vùng đất Nam Bộ nơi có đông đồng bào

Khmer sinh sống. Qua khảo sát, người Khmer có danh xưng nhưng không có họ dòng dõi, để dễ dàng trong việc cai quản trăm họ, nhà Nguyễn ra sắc lệnh và ban họ cho đồng bào người Khmer ở vùng đồng bằng sông Cửu Long với một trong năm họ sau làm họ của mình: họ Thạch, họ Sơn, họ Lâm, họ Kim, họ Danh (Lê Hương 1969, Sơn Nam 1972). Về sau, ngoài 5 họ trên, người Khmer còn mang thêm nhiều họ khác như: Chau, Châu, Mai, Neang, Thị, Hữu, Trà, Hiệu, Uôn v.v...

Như đã trình bày, vào đầu thế kỉ XIX, nhà Nguyễn ban họ cho đồng bào người Khmer ở đồng bằng sông Cửu Long với một trong năm họ (*Thạch, Sơn, Lâm, Kim, Danh*). Nhưng vào thời ấy, sắc lệnh này chỉ đến được tả ngạn bờ sông Hậu. Do đó, hệ thống 5 họ này chủ yếu được truyền đến và thực hiện phổ biến ở các địa phương Phum Srok vùng Trà Cú, Tiểu Cần,... (Trà Vinh), Vũng Liêm (thuộc Vĩnh Long hiện nay). Song, ở một số vùng của các huyện Tri Tôn - Tịnh Biên

(An Giang), huyện Phước Long - Hồng Dân (Bạc Liêu) thời trước trực thuộc tỉnh Hà Tiên, nên người Khmer vùng này phần đông đều mang họ Danh. Sau khi thực dân Pháp sang xâm lược, chúng đưa Tri Tôn - Tịnh Biên về thuộc Châu Đốc thì bà con Khmer lại mang họ Châu. Trong quá trình sinh sống ở đây, thời đó phần vì không biết chữ, phần vì cách phát âm đặc trưng, người Khmer dần thay đổi họ Châu thành Chau từ khi nào không rõ. Mặt khác trong tiếng Khmer, từ Châu không có nghĩa, mà từ *Chau* lại có nghĩa là *Chàng*. Để đối trọng lại với họ của nam giới, người Khmer tạo ra họ cho phụ nữ bằng từ *Néang* nghĩa là *Nàng*. Ngoài ra, ở đây còn có họ Trà, họ Uôn... Chữ *Trà* đọc trại thành *Ta*, có nghĩa là Ông; Chữ *Uôn* có nghĩa là *Em*. Những họ này có nguồn gốc không phải họ mà chỉ là tiếng để gọi ngôi thứ, ví dụ: Néang Sê Đa (Nàng Sê-Đa), Chau Mea Núp (Chàng trai), Ta Prum (Ông P'rum), Uôn Pâu (Em út)... Vì gọi nhiều thành quen nên tiếng gọi ngôi thứ được chuyển thành họ chính thức của người Khmer một vùng. Ngoài ra, đặc điểm vùng này con thường lấy họ cha (Chau...), con gái thì lấy họ mẹ (Néang...). Riêng người Khmer ở vùng Vọng Thê (Châu Đốc) có họ Mai chiếm một số lượng khá đông và họ Mai thống nhất là họ khi đặt tên cho cả nam lẫn nữ, còn về xuất xứ họ này có nguồn gốc từ đâu thì chưa có tư liệu minh chứng.

Sau này, do hoàn cảnh lịch sử thay đổi, cần phải mở rộng đất đai làm nơi sinh sống, người Kinh, người Khmer đã vượt sông Hậu sang khai khẩn và sinh sống ở những nơi đất mới thuộc vùng Hậu Giang - Sóc Trăng - Bạc Liêu - Cà Mau. Tại đây, dần dần họ gặp người Hoa mà đa số là những người Triều Châu và Quảng Đông di cư. Những người này vốn cũng là những người nông dân chống chế độ hà khắc của phong kiến Mãn Thanh. Vì thế, cả 3 dân tộc Kinh - Khmer - Hoa có cùng

chung một số phận lịch sử, cho nên họ rất dễ gần gũi, gắn bó và thông cảm lẫn nhau. Lịch sử đã chứng minh trong thực tế họ đã đoàn kết cùng chinh phục thiên nhiên, cùng kề vai sát cánh chống ngoại xâm và giúp đỡ nhau để tồn tại và phát triển cho đến ngày nay. Sống trên cùng địa bàn, họ gả cưới kết sui lập gia đình hỗn hợp giữa các dân tộc trong cộng đồng. Đây chính là cơ sở khách quan để hình thành những mối quan hệ chặt chẽ về ngôn ngữ, về phong tục tập quán... Điều này cũng đã được phản ánh trong hệ thống họ - tên của người Khmer Nam Bộ cho đến ngày nay. Nhiều gia đình chồng là người Khmer vợ người Kinh, chồng người Hoa vợ người Khmer hoặc ngược lại... Qua quá trình lịch sử, sự lai họ hòa hợp giữa các dân tộc trong vùng đồng bằng sông Cửu Long được diễn ra nhiều thế hệ. Ví dụ: Trong một gia đình có khi có cả 3 dòng máu Kinh - Khmer - Hoa sống hòa thuận và hạnh phúc. Ngoài ra, còn có sự lai họ giữa người Khmer với người Chăm và các dân tộc khác...

Trong cộng đồng người Khmer Nam Bộ, họ lai Kinh và họ lai Hoa cũng phổ biến tương đối như họ Nguyễn, Trương, Huỳnh, Đào, Đinh, Phan, Bùi, Triệu, Lý, Trần, Quách, Thái, Ngô, Bành v.v... Hệ thống họ lai cũng có những trường hợp họ gốc Hoa được du nhập vào Việt Nam lâu đời hay mới đây rồi mới du nhập vào hệ thống họ của người Khmer. Đặc biệt có trường hợp người Khmer cũng có mang họ Nguyễn (họ người Kinh) mà không có sự lai nhập, bởi thực tế trước đây có một vị danh tướng nguyên gốc người Khmer tên là Nguyễn Văn Tôn tên thật là Thạch Duông sinh năm Quý Mùi (1763) quê Làng Nguyệt Lãng, xã Bình Phú, huyện Càng Long, tỉnh Trà Vinh. Thời trẻ ông được sung vào hàng dịch đình nô phủ Chúa Nguyễn, hết lòng tận tụy trung thành được chuyển giao nhiệm vụ trọng trách cầm quân dẹp loạn, chống ngoại

xâm thắng trận rồi trở về cai quản vùng Trà Ôn - Cầu Kè (Trà Vinh) tiếp tục chiêu dân vùng Trà Ôn - Măng Thít khai khẩn đất hoang thành lập xóm làng... lập nhiều công lớn, nên Chúa Nguyễn Ánh ban tứ danh cho ông là Nguyễn Văn Tồn (Vương Hồng Sển 1999: 443). Là người có công giúp nhà Nguyễn dẹp loạn biên giới, dẫn đại binh chiến đấu với quân Xiêm ở thành Long - Vaek (Cao Miên), khi thắng trận, ông được cử ở lại Cao Miên giúp trị nước an dân. Sau đó, ông được triệu về kinh đô thăng chức Thống Chế rồi được triều đình bổ sung vào chức Điều Bát dẫn một đoàn dân binh người Khmer hàng ngàn người đến Châu Đốc để cùng với Thoại Ngọc Hầu... lo việc đào kênh Vĩnh Tế. Vào mùa 4 tháng giêng năm Canh Thìn (1820), ông bị bệnh mất tại Trà Ôn Vĩnh Long. Năm 1928, vua Minh Mạng sắc phong ông là Trung Đẳng Thần. Từ đó, trong cộng đồng người Khmer Nam Bộ có thêm họ Nguyễn do Nguyễn Văn Tồn (Thạch Duông) sinh con đẻ cái rồi truyền họ lại cho con cháu các thế hệ tiếp theo. Hiện chức danh Thống Chế Điều Bát của ông đã được dùng để đặt tên cho một con đường dài rộng tại thị trấn Trà Ôn (Vĩnh Long). Cách Thị trấn Trà Ôn khoảng 2 cây số có khu lăng mộ Thống Chế Điều Bát hiện tọa lạc tại giồng Thanh Bạch thuộc ấp Mỹ Hòa, xã Thiện Mỹ. Hàng năm vào ngày mùng 3 - 4 tháng giêng, ngày giỗ ông được tổ chức long trọng, quy tụ hàng ngàn người dân xa gần thuộc 3 dân tộc Kinh - Khmer - Hoa đến cúng bái (Khoa Ngữ văn Đại học Cần Thơ 2002: 58-59). Vào ngày 26/3/1996, khu lăng mộ được Bộ Văn hóa - Thông tin xếp hạng Di tích lịch sử văn hóa cấp Quốc gia.

Tiếp ngôi triều đại vua Minh Mạng lúc bấy giờ vào năm 1823, Tả quân Lê Văn Duyệt đệ trình xin vua Minh Mạng đặt họ cho các Chánh đội, Đội trưởng là người Khmer. Đến tháng 12 năm 1839, một sắc lệnh của vua

Minh Mạng cho đồng bào Khmer cư trú trong các huyện có đông người Hoa thuộc các vùng Hà Tiên và An Giang đều phải đặt tên mang họ như người Hoa và thuộc các huyện người Hoa cai quản (Quốc sử quán triều Nguyễn 1997: 502-503).

Do có những sự kiện trên, ngày nay một bộ phận người Khmer Nam Bộ cũng mang họ người Hoa. Ngoài các họ trên, khác với các vùng thuộc tỉnh Trà Vinh, Hậu Giang, An Giang..., hệ thống họ của người Khmer ở Kiên Giang có những đặc điểm riêng, phần đông nam mang họ Danh, nữ mang họ Thị. Nguyên do là thời thực dân Pháp xâm lược đánh chiếm Rạch Giá - Kiên Giang, đồng bào ta chạy lánh nạn tứ tán khắp nơi, lớp chạy về Gò Quao, Giồng Riềng, lớp thì lên Hà Tiên... Đến khi kiểm kê thống kê dân số, thực dân Pháp bắt buộc người Khmer dù trước đó mang họ gì đi chăng nữa cũng phải khai ghi lại mang 2 họ là họ Danh đối với nam và họ Thị đối với nữ. Cách lấy họ nam Danh nữ Thị này được người Khmer chính gốc Kiên Giang lưu giữ đến ngày nay (theo lời kể của vị sư trụ trì Chùa Ut Đom Miên Chêy, Rạch Giá và Chùa Kh'Leang Mương, Kiên Giang).

Về sự phân bố dân cư cũng như hệ thống các họ của người Khmer ở các tỉnh Sóc Trăng - Bạc Liêu - Cà Mau..., người Khmer ở các vùng này có nếp sinh hoạt gắn bó hài hòa giữa 3 dân tộc anh em: Kinh - Khmer - Hoa thể hiện trong từng cơ cấu gia đình mà hôn nhân hòa hợp và sự giao lưu, tiếp biến giữa các dân tộc đã trở thành phổ biến, rõ nhất là ở các địa phương như Vĩnh Châu (Sóc Trăng), bà con quan hệ với nhau đều nói được cả 3 thứ tiếng (tiếng phổ thông "Việt", tiếng Khmer, tiếng Hoa). Do đó, hệ thống họ của người Khmer ở những vùng này ngoài 5 họ Thạch, Sơn, Lâm, Kim, Danh, còn có thêm họ khác trong một gia đình Khmer như họ Nguyễn, Trần, Lý, Lê, Ngô, Dương, Liêu, Đào, Điều, Phạm, Hứa, Đinh...

Riêng ở các vùng thuộc xã Tân Lộc, xã Hồ Thị Kì (thuộc huyện Thới Bình tỉnh Cà Mau), người Khmer đa số mang họ Hữu. Theo người lớn tuổi sinh sống lâu đời ở vùng này, trước đây, phần đông người Khmer ở đây đều là tá điền của một địa chủ tên Ngân có họ Hữu, ai mà muốn làm ruộng thuê trên mảnh đất của họ thì đều phải mang họ Hữu mới được canh tác. Do vậy, đến bây giờ, vẫn còn nhiều gia đình ở vùng này, cha mẹ con cái đều mang chung một họ Hữu. Ngược lại, người Khmer ở vùng Giá Rai (Bạc Liêu) cũng có nhiều gia đình, nhiều người mang họ Hữu, bên cạnh đó cũng có không ít người mang họ Hiệu. Đó là do ở nơi này vào thời chiến, bà con Khmer ở các xóm ấp Rạch Giồng, Đường Đào, Cây Khô thuộc xã Hồ Thị Kì lánh nạn đến cư trú nên có họ Hữu. Còn họ Hiệu, là do khi xung hô để kê khai hộ tịch, một số người Khmer nói không rõ nên người nghe đã kê khai nhầm Hữu thành Hiệu và ghi vào sổ làm hộ tịch tại địa phương mà họ đến, căn cứ vào đó, các giấy tờ hợp pháp của người Khmer ở đây lại có thêm họ Hiệu là vì vậy.

Tóm lại, ngày nay, đa số họ của người Khmer theo nhận xét chung về nguồn gốc là do các nguyên nhân cơ bản sau: 1) do sự ban họ của triều đình phong kiến và sự ép họ của thực dân; 2) do có nguồn gốc từ loại hình phụ từ liên danh; 3) do một số nguồn gốc là những tiếng gọi ngôi thứ (Chau - Néang); 4) do gắn kết hôn nhân hòa hợp; 5) do nói trại thành.

Hệ thống họ gia đình người Khmer Nam Bộ cho thấy một trong những hướng di cư chính của người Khmer trong quá trình lịch sử là từ vùng Vũng Liêm, Trà Cú, Trà Vinh... xuống vùng Hậu Giang, Sóc Trăng, Bạc Liêu, Cà Mau rồi đến Rạch Giá, Hà Tiên, Kiên Giang, An Giang... Vì vậy, hệ thống họ cũng là một trong những yếu tố quan trọng giúp tìm hiểu quá trình phát triển tộc người.

Hệ thống họ cũng nói lên sự hòa hợp đoàn kết giữa các dân tộc, thể hiện qua cách đặt họ, hôn nhân hỗn hợp và sự du nhập các họ của các dân tộc anh em vào cộng đồng dân cư Khmer Nam Bộ.

2. Cách đặt tên của người Khmer Nam Bộ

Ở đồng bằng sông Cửu Long, trong từng khu vực cư trú và trong từng cộng đồng dân cư, tên của người Khmer Nam Bộ có những nét đặc thù riêng, phản ánh những điều kiện môi sinh và tác động xã hội khác nhau. Việc đặt tên của đồng bào Khmer là do ý thức trưởng tộc hoặc người lớn nhất trong gia đình (như: ông, bà, cha, mẹ...) tham khảo, nghiên cứu và đặt cho. Song, cũng không ít gia đình, khi con cái chào đời được năm, bảy ngày, họ làm lễ cắt tóc hoặc cạo đầu cho đứa trẻ và cột tay bằng chỉ đỏ cầu chúc cho trẻ mạnh khỏe mau lớn..., trong đó có lễ thức đặt tên. Theo thông lệ, họ mời vị A-cha hoặc sư trụ trì chùa ở phum sok gần đó đặt tên cho con cháu (hàm ý ban phúc để nuôi).

Cũng như các tộc người khác trong cộng đồng các dân tộc Việt Nam, tên của người Khmer Nam Bộ có tầm quan trọng đặc biệt trong cơ cấu tên họ, đôi khi trong từng vùng, từng địa phương, tên của người Khmer cũng nói lên tính chất, thành phần, địa vị xã hội và từng thời kì lịch sử (giàu nghèo, thành thị, nông thôn, trình độ học vấn, trí thức, công chức, dân dã...) và xu hướng thẩm mỹ của gia đình người mang tên đó.

Tên người Khmer ở thời kì đầu đối với nam giới chủ yếu chỉ có một âm tiết, chẳng hạn tên An, Ben, Cươn, Dim, Đon, Es, Huông, Khum, Ny, Phat, Rinh, Sét, Thoanh, Uy, Vin, Yêm v.v... ngắn gọn và dứt khoát, hoặc có một vần phụ ở đầu chữ như: Khlúc, Slót, Prum, Chrök, Sđon, Prāk, Phka... Tên của nữ giới thường có khuynh hướng 2 âm tiết và ngân dài như: Sô Phép,

Oanh Na, Chanh Tha, Chanh Thu, Chanh Ni, Phol Ly, Na Vy, Lai Hiên, Sa My, Sa Ron, Si Mon, Ma Lay v.v...

Song song đó, ở mỗi địa phương, phum sok, tên của người Khmer cũng rất đa dạng và phong phú, nhưng cũng thống nhất trong toàn vùng đồng bằng sông Cửu Long. Một mặt, tên và họ của người Khmer Nam Bộ thường có pha âm Việt ngữ hay Hán - Việt hoặc là âm tiết Việt hóa và âm Khmer thuần túy đi đôi với nhau một cách phổ biến và khá nhuần nhuyễn như: *Thạch Thị Phol Ly* (Thạch Thị là âm Hán - Việt và Phol Ly là âm Khmer thuần túy) hay là *Néang Thị Hồng* (Néang là âm Khmer và Hồng là âm Hán - Việt) ...

Nhưng có trường hợp tên của nam giới có rất nhiều sự tương đồng và gần gũi giữa âm Khmer và âm Việt, chúng ta khó mà phân biệt ra như tên của nữ giới, chẳng hạn: Danh Danh, Châu Phát, Lý Ry, Thạch Sét, Thạch Chanh, Hữu Thanh, Tăng Khiết, Sơn Linh...

Việc chọn đặt tên của người Khmer cũng cho thấy sự khác nhau giữa cư dân nông thôn và cư dân đô thị hay cư dân ven đô thị. Cư dân Khmer Nam Bộ sinh sống ở đô thị cùng cộng cư lâu ngày với đồng bào người Kinh, người Hoa..., họ tiếp thu nhiều nét văn hóa mới, hiện đại, nên cái tên của họ cũng thể hiện rất rõ điều này. Còn cư dân nông thôn sống khép kín với mảnh đất ruộng vườn và tập quán truyền thống, họ hay chọn các từ ngữ cổ xưa để đặt tên. Ngoài ra, yếu tố nghề nghiệp, việc làm từng gia đình cũng ảnh hưởng trong việc chọn đặt tên riêng. Những gia đình có địa vị xã hội hoặc giao lưu buôn bán thường đặt tên cho con dài hơn như: Tên con trai thường đặt ghép với họ và tên 3 âm tiết, tên con gái thường 4 âm tiết, trong đó yếu tố thẩm mỹ thể hiện rất rõ và cũng trên cơ sở xu hướng thẩm mỹ chung của người Việt.

Ví dụ:

Tên con trai	Tên con gái
- Thạch Trường Giang	- Châu Hoa Thiên Nhã
- Hứa Ngọc Thanh	- Hữu Thị Mỹ Dung
- Danh Thánh Hiền	- Lâm Nữ Quyền Anh
- Lý Ngọc Linh	- Thạch Thị Thùy Cương

Đặc biệt ở một số địa phương thuộc Rạch Giá và thuộc tỉnh Kiên Giang trước đây có nét đặc thù là cơ cấu họ tên chủ yếu là 2 âm tiết cả nam lẫn nữ và đặt tên có nghĩa rõ ràng như:

Tên con trai	Tên con gái
- Danh Tinh	- Thị Lan
- Danh Út	- Thị Điệp
- Danh Sang	- Thị Tươi

Xét về yếu tố thẩm mỹ, việc chọn đặt tên của người Khmer ở khắp địa phương đồng bằng sông Cửu Long có 2 xu hướng chung mà hiện nay phổ biến khá rộng rãi: 1) chọn đặt tên toàn âm Khmer như: Vong Vi Chách, Chanh Đa Ra, Chanh Ly, Đờ Ni, Khem Ma Ra, Keo Pi Sich...; 2) chọn đặt tên toàn âm Việt như: Chánh Nghĩa, Thu Lờ, Nhựt Đăng, Quyền Uy, Hoa Thiên Ân... Song song với việc đặt tên của người Khmer theo hai xu hướng trên cũng có hiện tượng phiên âm tiếng Khmer ra tiếng Việt như: Sô Phép, Hoa Ry, Chanh Thu, Lan (Lal), Thương (Thuor), Đà Ra, Búp Pha, Văn Tha, Si Phan... và trong một gia đình người Khmer, tên các con cũng thường được đặt cùng một vần đồng âm. Nếu con đầu là Sà Rên thì các con sau là Sà Rương, Sà Rậm, Sà Rinh, Sà Rai... hoặc có con đầu là Dal thì các con sau là Sal, Bal, Lal, Thal, hoặc là Hiên, Hiêng, Hươ, Hên... Hiện tượng này phần nhiều ở vùng nông thôn, thường là gia đình có đông con.

Chiến tranh cũng để lại những ảnh hưởng, dấu ấn trên hệ thống đặt tên của người Khmer như: Lâm Chinh Chiến, Thạch Hòa Bình, Sơn Toàn Thắng, Châu Nghĩa Quân, Thị Quê Hương, Kim Chiến Công... Ngoài ra, việc chọn đặt tên cũng thể hiện những tác động chủ quan của gia đình. Mong ước, hi vọng và trình độ của cha mẹ cũng để lại dấu ấn trong tên riêng của con cái mình: Châu Đăng Khoa, Sơn Thái Bình, Néang Thị Nghĩa, Hữu Bình An, Hữu Hạnh Phúc... hay là có chung tên chỉ khác tên đệm như: Châu Hải Đăng, Châu Hoa Đăng, Châu Nữ Huyền Đăng, Châu Bích Đăng hay Hứa Cẩm Hồng, Hứa Thúy Hồng, Hứa Tuyết Hồng hoặc ngược lại có chung tên đệm chỉ khác tên Lâm Quyền Uy, Lâm Quyền Anh, Lâm Quyền Quý, Lâm Quyền Trân...

Một điều đặc biệt nữa là hầu hết đồng bào người Khmer đều theo đạo Phật. Vì thế, cũng do ảnh hưởng giáo lí nhà Phật, một bộ phận không nhỏ bà con người Khmer chọn tên để đặt cho con cái có liên quan đến niềm tin như: Kô Sol (Phước Đức), Săth Thia (Hào tâm), Sua Kia (Thiên Đàng), Kun (Ơn), Than (côi), Bun (Lễ), Sô San (An lành) Tean (thí), Đa (giỗ)... Một bộ phận khác nhất là nam nhi có tu học có điều kiện tiếp xúc tiếng PaLi (Phạn ngữ) rồi hoàn tục, khi có gia đình, họ rất chú trọng đặt tên con theo những từ ngữ mỹ miều có ý nghĩa như: Thi Đa (Nữ nhi), Vành Na (Sắc đẹp), Đa Ra (Sao), Búp Pha (Bông hoa), Sô Kôn Thia (Nước hoa thơm), Sóc Kha (Bình an), Chanh (Trăng), A Tích (Mặt trời) Phol la (Hoa quả), Panh Nha (Tri thức)...

Người Khmer tuyệt đối không đặt tên con có ý nghĩa tục, bạo lực như: Cu, Điểm, Đĩ Dao, Pháng, Ngục, Xiềng, Xích ...

Có trường hợp khi sinh con ngay vào năm tuổi gì thì đặt tên đi liền với tuổi con giáp đó, chẳng hạn: Thạch Thị Sửu, Châu Tuất, Sơn Thị Mùi, Danh Hợi, Lâm Ty... Tuy nhiên, người Khmer không lấy tuổi con

giáp theo tiếng Khmer để đặt tên cho con như người Việt. Ví dụ: Sửu trong tiếng Khmer là Chlâu, Thân là Vôôk, Ngọ là Mô mi v.v..., người Khmer không đặt tên cho con cái là Chlâu, Vôôk, Mô mi...

Điểm tương đồng giữa cách đặt tên của người Khmer và người Việt đó là khi sinh con ra, thấy hiện tượng khóc quấy khó nuôi, người Khmer cũng đặt tên tương tượng cho con cháu để cho ma quỷ, yêu quái nghe thấy lánh xa, như đặt tên Kranh (cá rô), Pros (nai), Peng (lư), Kô (bò), Tôm (chim chít), Đênh (đuôi), Smanh (rồi)...

Tên người Khmer càng về sau ngày càng đa dạng, phong phú và phức tạp do gắn liền với cả một quá trình và giao lưu giữa các tộc người khác nhau trong cộng đồng cũng như giữa các tộc người trong cùng khu vực thành một thể thống nhất ở vùng đồng bằng sông Cửu Long. Sự phát triển và xu hướng thẩm mỹ trong việc chọn đặt tên của người Khmer Nam Bộ cũng phản ánh một trình độ văn hóa ngày một cao hơn, có tính phổ biến và nhiều màu sắc hơn.

3. Kết luận

Nhìn chung, việc nghiên cứu hệ thống họ Khmer tại các tỉnh thuộc vùng đồng bằng sông Cửu Long đã cung cấp thêm nhiều yếu tố ảnh hưởng đến việc hình thành họ và lai lịch của các họ Khmer. Trong đó, loại hình phụ từ liên danh - một loại hình đặc trưng trong việc tạo nên hệ thống họ của dân tộc Khmer, đã phần nào phản ánh về chế độ gia đình dân tộc Khmer. Qua những chính sách của triều đại phong kiến về việc ban họ, ban danh nhằm phục vụ cho việc quản lí hay những chính sách cai trị của thực dân cùng với mục đích tương tự đều đã góp phần hệ thống hóa và hành chính hóa các họ Khmer. Song song đó là sự di cư và cộng cư của dân tộc Khmer với các dân tộc anh em khác như Kinh, Hoa, Chăm cũng đã mang đến sự hòa

quyện, đa dạng trong họ Khmer tại vùng đất Nam Bộ lúc bấy giờ.

Bên cạnh đó, cách đặt tên của đồng bào Khmer cũng đã thể hiện dấu ấn của sự tác động qua lại giữa những yếu tố về văn hóa, xã hội, tôn giáo, ngôn ngữ được chứa đựng bên trong nó. Trong bối cảnh hiện đại, những chính sách của nhà nước về sự phát triển tại vùng có đông đồng bào dân tộc sinh sống đã tạo ra những cơ hội trong nhiều lĩnh vực nhằm thúc đẩy việc mở rộng giao lưu, hòa nhập giữa các cộng đồng dân tộc đang cùng sinh sống với nhau, tạo điều kiện cho sự đa dạng hóa tên họ của đồng bào Khmer, nhưng nó cũng đồng nghĩa với việc sẽ xuất hiện rất nhiều thách thức liên quan đến việc bảo tồn bản sắc văn hóa truyền thống và phát huy những giá trị cốt lõi của mỗi tộc người nói chung. Do vậy, việc giữ gìn nét đặc trưng trong chính tên gọi của mỗi người Khmer cũng là một việc làm cụ thể nhằm góp phần vào việc bảo tồn và phát huy nét đẹp ngôn ngữ của tộc người này./.

Tài liệu tham khảo

1. Lê Hương (1969), *Người Việt gốc Miên*, Nxb. Văn Đàn, Tp. Hồ Chí Minh.
2. Khoa Ngữ văn Đại học Cần Thơ (2002), *Văn học dân gian đồng bằng sông Cửu Long*, Nxb. Giáo dục, Tp. Hồ Chí Minh, tr. 58-59.
3. Phan Khoang (1967), *Việt sử: Xứ đàng trong*, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội.
4. Sơn Nam (1973), *Lịch sử khẩn hoang miền Nam*, Nxb. Trẻ, Tp. Hồ Chí Minh.
5. Quốc sử quán triều Nguyễn (1997), *Đại Nam liệt truyện*, tập 2, quyển 28, Nxb. Thuận hóa, Huế, tr. 502-503.
6. Vương Hồng Sển (1999), *Tự vị tiếng Việt miền Nam*, Nxb. Trẻ, Tp. HCM, tr. 443.
7. Nguyễn Kim Thân (1975), "Vài nét về tên người Việt", *Tạp chí Dân tộc học*, số 4, tr. 68-80.

THS. TĂNG VĂN THÒN
Trưởng Đại học Trà Vinh

ĐÍNH CHÍNH

Tạp chí Nghiên cứu Văn hoá Việt Nam, số 6 (198) - 2021

Trang 33 đã in:

Tam hoá hiện	Vajradhṛt =	Lokeśvara	Vajradhara
Tam cảnh giới thiên định	Śūnyo/Śūnyatā =	Mahāśūnyo/ Mahaśūnyatā = Đại Không	Śūnyātīto/Śūnyatātīto = Siêu việt Không [Chân không Diệu hữu] ⁽¹⁾

Xin sửa lại:

Tam hoá hiện	Vajradhṛt = Vajradhara	Lokeśvara	Vajrasattva
Tam cảnh giới thiên định	Śūnyo/Śūnyatā = Tánh Không	Mahāśūnyo/ Mahaśūnyatā = Đại Không	Śūnyātīto/Śūnyatātīto = Siêu việt Không ⁽¹⁾

Xin cáo lỗi với bạn đọc!